ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1435 /QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 26 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát Thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2779/TTr-SKHĐT ngày 21/7/2021 và ý kiến của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Báo cáo số 61/BC-VPUB ngày 23/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

- Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết các thủ tục hành chính để Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh niêm yết, công khai thực hiện;

- Rà soát Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

- Thủ tục hành chính tại Mục I – Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tại Mục II – Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp ban hành kèm Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã) thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP); (b/c)
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- TT.CNTT và TT (Sở TTTT);
- VPUB: LĐ;
- Lưu: VT, TTPVHCC. VTTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH NINH THUẬN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1435 /QĐ-UBND ngày 26 /7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**				
1	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	02 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 44, đường 16/4, phường Tấn Tài, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	Quyếtđịnh số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	02 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
B	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ**				
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung	Quyếtđịnh số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021

			(Số 44, đường 16/4, phường Tấn Tài, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)	đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	-Như trên-	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua	-Như trên-

				mạng điện tử.	
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	02 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	02 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
13	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	02 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
14	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần,	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-

	công ty hợp danh)				
15	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	02 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
16	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
17	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
18	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	02 ngày làm việc	-Như trên-	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	-Như trên-
19	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
20	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	02 ngày làm việc	-Như trên-	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần.	-Như trên-
21	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo,	03 ngày làm việc	-Như trên-	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được	-Như trên-

	chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương			miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	
22	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	03 ngày làm việc	-Như trên-	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	-Như trên-

	đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính				
23	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	02 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
24	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	02 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
25	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực	03 ngày làm việc	-Như trên-	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. - Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	-Như trên-

	thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính				
26	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	03 ngày làm việc	-Như trên-	- Miễn lệ phí. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần.	-Như trên-
27	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	03 ngày làm việc	-Như trên-	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	-Như trên-
28	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
29	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
30	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-

	hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)				
31	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
32	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
33	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
34	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
35	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
36	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	02 ngày làm việc	-Như trên-	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	-Như trên-

37	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	02 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
38	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	02 ngày làm việc	-Như trên-	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần đối với trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Miễn lệ phí trong các trường hợp: không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy định tại các điều từ Điều 56 đến Điều 60 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; cập nhật, bổ sung thông tin về số điện thoại, số fax, thư điện tử, website, địa chỉ của doanh nghiệp do thay đổi về địa giới hành chính.	-Như trên-

39	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	02 ngày làm việc	-Như trên-	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần, đăng ký tạm ngừng kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. - Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	-Như trên-
40	Giải thể doanh nghiệp	04 ngày làm việc	-Như trên-	Miễn lệ phí	-Như trên-
41	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	04 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
42	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	04 ngày làm việc	-Như trên-	- Không-	-Như trên-
43	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	02 ngày làm việc	-Như trên-	Miễn lệ phí	-Như trên-
44	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	02 ngày làm việc	-Như trên-	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	-Như trên-
45	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
46	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	02 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-

47	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	02 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
48	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-
49	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	03 ngày làm việc	-Như trên-	-Như trên-	-Như trên-

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ, HỦY BỎ, HỦY CÔNG KHAI TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH NINH THUẬN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1435 /QĐ-UBND ngày 26 /7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý
1	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 44, đường 16/4, phường Tấn Tài, Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận)	Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	-Như trên-	-Như trên-
3	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	-Như trên-	-Như trên-
4	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	-Như trên-	-Như trên-
5	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	-Như trên-	-Như trên-
6	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty	-Như trên-	-Như trên-

	cổ phần		
7	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	-Như trên-	-Như trên-
8	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	-Như trên-	-Như trên-
9	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	-Như trên-	-Như trên-
10	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	-Như trên-	-Như trên-
11	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	-Như trên-	-Như trên-
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	-Như trên-	-Như trên-
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	-Như trên-	-Như trên-
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	-Như trên-	-Như trên-
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	-Như trên-	-Như trên-
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	-Như trên-	-Như trên-
17	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	-Như trên-	-Như trên-

18	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	-Như trên-	-Như trên-
19	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	-Như trên-	-Như trên-
20	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội	-Như trên-	-Như trên-